

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 4 - 2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Quyền

Ông Phạm Thanh Châu Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tiến Thành

Ngày 16 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lương Thị Cẩm T, sinh năm 1999

Địa chỉ: Tổ dân phố số 7, thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Văn G, sinh năm 1995

Địa chỉ: Tổ dân phố số 7, thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 10/01/2024, bản tự khai ngày 17/01/2024, biên bản hòa giải ngày 05/4/2024 và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lương Thị Cẩm T trình bày: Chị và anh Đỗ Văn G kết hôn ngày 14/4/2019 đăng ký tại UBND thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái, vợ chồng kết hôn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 1 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong việc chăm sóc con và về kinh tế, đến 01/10/2022 thì mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn do anh G nghi ngờ chị không chung thủy. Vợ chồng cũng đã ngồi lại với nhau hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh G. Bản thân cả hai vợ chồng chị đều làm việc xa nhà, chị làm ở tỉnh Phú Thọ còn anh G thì làm ở tỉnh Vĩnh Phúc, để thuận tiện cho việc chăm sóc con nên chị đã đưa con về nhà bố mẹ để chị sinh sống tại khu 10, xã Bắc, huyện N, tỉnh Phú Thọ và cũng gần với nơi làm việc của chị, hàng ngày chị vẫn đi về ở cùng bố mẹ chị. Còn anh thì từ tháng 02 năm 2022 cũng chuyển về làm cùng Công

ty với chị và ở cùng bố mẹ chị cho đến tháng 10/2022 vợ chồng mâu thuẫn thì anh G chuyển vào ở trong ký túc của công ty cách nhà bố mẹ chị khoảng 6 km và cũng từ đó vợ chồng sống ly thân.

Về con chung: Chị T và anh G có một người con chung là Đỗ Minh K sinh ngày 03/10/2019, hiện tại cháu đang ở cùng với chị tại nhà của bố mẹ đẻ chị tại khu 10, xã B, huyện N, tỉnh Phú Thọ. Nay vợ chồng ly hôn nguyện vọng của chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết gì.

- Tại bản tự khai ngày 17/01/2024, biên bản hòa giải ngày 05/4/2024 và tại phiên tòa, bị đơn là anh Đỗ Văn G trình bày: Anh và chị T kết hôn ngày 14/4/2019, đăng ký tại UBND thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái, vợ chồng kết hôn tự nguyện, có tình cảm. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng diễn ra bình thường khoảng 1 năm không có gì mâu thuẫn lớn, sau đó thì bắt đầu mâu thuẫn nguyên nhân từ việc vợ chồng bắt đầu quan điểm trong kinh tế và trong việc chăm sóc con, anh và chị T đều đi làm xa nhà, anh làm việc ở tỉnh Vĩnh Phúc, còn chị T làm việc ở tỉnh Phú Thọ, sau khi sinh con thì chị T và con chung của vợ chồng về nhà bố mẹ đẻ chị T sinh sống để thuận tiện trong việc vợ chồng cùng chăm sóc con. Đến tháng 02/2022 anh chuyển về làm cùng Công ty với chị T tại tỉnh Phú Thọ cách nhà bố mẹ chị T khoảng 6 - 7 km, từ khi anh chuyển về tỉnh Phú Thọ làm việc thì anh và chị T ở nhà bố mẹ đẻ chị T, cho đến tháng 10/2022 thì mâu thuẫn vợ chồng càng tăng hơn, nguyên nhân do chị T có biểu hiện không chung thủy, nhảm nhí, gọi điện cho người khác giới đã có vợ, anh cho rằng như vậy là không phù hợp với thuần phong mỹ tục dẫn đến vợ chồng cãi nhau, chị T bỏ ra ngoài thuê nhà trọ để ở, thì 3 ngày sau anh cũng chuyển vào ký túc của Công ty để ở và cũng từ đó vợ chồng sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Sau đó chị T lại quay trở lại nhà bố mẹ đẻ chị T để ở nhưng anh không biết từ khi nào. Nay chị T xin ly hôn anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh G và chị T có một người con chung là Đỗ Minh K sinh ngày 03/10/2019, từ khi vợ chồng đi làm xa nhà thì chị T đưa cháu K về ở cùng với ông bà ngoại tại khu 10 xã B, huyện N, tỉnh Phú Thọ để tiện cho việc chăm sóc. Nay vợ chồng ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Do anh G đang đi làm xa nhà, nếu được nuôi con thì anh đưa con về thị trấn A, huyện V, tỉnh Yên Bái nhờ bố mẹ đẻ anh G chăm sóc.

Về tài sản và nợ chung: Anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lương Thị Cẩm T yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con đối với anh Đỗ Văn G. Đây là vụ án về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các bên đương sự để các đương sự thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình và đã tiến hành hòa giải nhưng chị T, anh G không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Cẩm T và anh Đỗ Văn G kết hôn ngày 14/4/2019, đăng ký tại UBND thị trấn A, huyện V, tỉnh Yên Bái vợ chồng kết hôn tự nguyện, có tình hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong việc quản lý kinh tế của vợ chồng và trong việc nuôi con. Đến tháng 10/2022 mâu thuẫn vợ chồng trở lên trầm trọng hơn nguyên nhân do anh G cho rằng chị T không chung thủy, nhảm tin, gọi điện cho người khác giới đã có vợ, từ đó anh cho rằng như vậy là không phù hợp với thuần phong mỹ tục dẫn đến vợ chồng cãi nhau và cũng từ tháng 10/2022 vợ chồng sống ly thân, mỗi người ở một nơi và không quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng chị T và anh G đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh G đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T, xử cho chị T, anh G được ly hôn.

[3.2] Về con chung: Chị T và anh G có một người con chung là Đỗ Minh K sinh ngày 03/10/2019, hiện tại cháu K đang ở cùng với chị T tại nhà của bố mẹ đẻ chị ở khu 10, xã B, huyện N, tỉnh Phú Thọ và do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Nay vợ chồng ly hôn, chị T và anh G đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Xét điều kiện của chị T và anh G đều có việc làm, có thu nhập ổn định có đủ điều kiện về kinh tế để nuôi con. Tuy nhiên, cháu K còn nhỏ và đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và chị T có nơi ở ổn định, còn anh G hiện tại đang ở trong ký túc xá của Công ty nơi anh G làm việc nên cũng không thuận tiện cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc con. Do đó, giao người con chung của chị T, anh là Đỗ Minh K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Do chị T không yêu cầu anh Trọng phải cấp dưỡng nuôi con nên vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 57, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lương Thị Cẩm T được ly hôn anh Đỗ Văn G.

2. Về con chung: Giao người con là Đỗ Minh K sinh ngày 03 tháng 10 năm 2019 cho chị Lương Thị Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Đỗ Văn G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Lương Thị Cẩm T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2023/0000986 ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Lương Thị Cẩm T và anh Đỗ Văn G được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- UBND thị trấn A, huyện V
- Các đương sự (Chị T, anh G);
- Lưu hồ sơ vụ án, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Việt Hà